

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH AN GIANG**

**BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
THÁNG 4 NĂM 2020**



An Giang, tháng 4 năm 2020

Số: /BC-CTK

An Giang, ngày tháng 4 năm 2020.

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội
Tháng 4 năm 2020

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

1.1. Nông nghiệp

1.1.1. Trồng trọt

- Vụ Đông Xuân 2019 - 2020, toàn tỉnh đã thu hoạch được gần 208 ngàn ha lúa, đạt 90,59% diện tích xuống giống, nhanh hơn 16,4 ngàn ha so cùng kỳ. Kết quả sơ bộ năng suất bình quân cả vụ có thể đạt 73,18 tạ/ha, bằng 103,06% hay tăng 2,17 tạ/ha so vụ Đông Xuân 2018-2019. Sản lượng cả vụ có thể đạt 1,679 triệu tấn, tăng 19,2 ngàn tấn. Về hoa màu các loại, toàn tỉnh cũng đã thu hoạch được 16,8 ngàn ha, đạt 89,87% diện tích gieo trồng, nhanh hơn 1,5 ngàn ha so cùng kỳ (chủ yếu do thực hiện gieo trồng sớm). Nhìn chung, năng suất các loại hoa màu của các địa phương đều tương đối ổn định, đạt mức xấp xỉ cùng kỳ.

Mặc dù, trước tác động của dịch bệnh Covid-19 nên tình hình xuất khẩu gặp trở ngại, song do nhu cầu trên thế giới tăng cao cùng với việc nhu cầu dự trữ trong nước nên giá lúa trong vụ Đông Xuân luôn ổn định ở mức cao và tăng so cùng kỳ.

Cùng thời gian trên, toàn tỉnh cũng đã xuống giống lúa Hè Thu 2020 được gần 86,2 ngàn ha, đạt 37,5% KH (nhanh hơn 4,5 ngàn ha) so cùng kỳ và hoa màu các loại thực hiện gieo trồng được 3.397 ha, đạt 16,64% KH, xấp xỉ cùng kỳ. Nhìn chung, tiến độ gieo trồng của vụ Hè Thu nhanh hơn cùng kỳ, chủ yếu do thực hiện xuống giống theo lịch khuyến cáo của ngành Nông nghiệp nhằm đảm bảo nguồn nước tưới hợp lý trước tình hình hạn, mặn đang diễn biến phức tạp tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

1.1.2. Chăn nuôi

Ước tính, đàn heo hiện có khoảng 59 ngàn con, bằng 64,07% so cùng kỳ; hiện nay do nguồn cung còn hạn chế, giá heo hơi trên thị trường trong tỉnh tiếp tục tăng lên 8,8 triệu đồng/tạ, trong khi trước đó 2 tuần, chỉ ở mức 7,8 - 8,0 triệu đồng/tạ.

Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi quy mô lớn, áp dụng tiêu chuẩn an toàn sinh học, dịch bệnh được kiểm soát kiểm tốt đã góp phần tăng quy mô đàn gia cầm. Đàn gia cầm toàn tỉnh có 4,6 triệu con, bằng 102,26% so cùng kỳ. Trong đó, đàn gà có 1,2 triệu con, bằng 103,0% so cùng kỳ.

1.2. Lâm nghiệp

Công tác phòng cháy chữa cháy rừng và bảo vệ rừng luôn được tỉnh quan tâm; sản lượng gỗ khai thác từ đầu năm đến nay được 11.792 m³, bằng 97,7% và 94.079 ster củi, bằng 96,1%...so cùng kỳ năm trước.

1.3. Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng 4/2020 ước đạt trên 41 ngàn tấn, bằng 96,6% so cùng kỳ năm trước (trong đó nuôi trồng đạt 39,7 ngàn tấn, bằng 97,05%). Tính chung 4 tháng năm 2020 ước đạt 144,6 ngàn tấn, so cùng kỳ năm trước, bằng 95,69%, trong đó: Nuôi trồng đạt 138,7 ngàn tấn, bằng 96,04% và khai thác 5,9 ngàn tấn, bằng 88,01%.

Nhu cầu con giống thả nuôi giảm mạnh do lượng cá tra thương phẩm tồn đọng quá nhiều khiến giá cá giống cũng giảm sâu. Thị trường cá tra giống dao động khoảng 15-18 ngàn đồng/kg (loại 15-20 con/kg), giảm 5-10 ngàn đồng/kg so cùng kỳ. Cộng dồn, số lượng con giống cá sản xuất tra khoảng 563 triệu con, bằng 90,63% so cùng kỳ.

2. Sản xuất công nghiệp

Do tác động của dịch bệnh Covid-19, đặc biệt từ khi thực hiện Chỉ thị số 15 và 16 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện giãn cách xã hội cả nước từ ngày 01/4/2020 - 15/4/2020 và kéo dài đến 22/4/2020; các doanh nghiệp, cơ sở tiểu thủ công nghiệp đã gặp nhiều khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm (nhất là các mặt hàng xuất khẩu như thủy sản, thuốc lá, may mặc) và đã có một số doanh nghiệp (Khu công nghiệp Bình Long), cơ sở tiểu thủ công nghiệp thu hẹp quy mô sản xuất, hoạt động cầm chừng trong tháng 4/2020.

Ước chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP) tháng 4/2020 so tháng trước chỉ bằng 94,94% và so cùng kỳ bằng 94,26%. Tính chung 4 tháng năm 2020, IIP tăng 3,38% so cùng kỳ năm trước, trong đó: Ngành khai khoáng tăng 4,49%; chế biến, chế tạo giảm 1,29%; sản xuất phân phối điện và nước đá tăng 40,69%; cung cấp nước và xử lý nước thải, rác thải tăng 8,03%.

Điểm qua một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu, trong 4 tháng năm 2020 tăng cao so cùng kỳ năm trước: Giày, dép có đế bằng mũ hoặc bằng da đạt 8,71 triệu cái, tăng 31,8%; xi măng Portlan đen đạt 139.382 tấn, tăng 28,9%; cầu kiện cầu và nhịp cầu bằng sắt thép đạt 900 tấn, tăng 104%; dịch vụ thu gom rác thải đạt 27,26 tỷ đồng, tăng 10,3%;... Một số sản phẩm tăng nhẹ hoặc giảm: Đá xây dựng khác đạt 1,861 m³, tăng 4,5%; điện mặt trời đạt 106 triệu Kwh (cùng kỳ năm trước chưa có); điện thương phẩm đạt 1.070 triệu kwh, tăng 4,52%; phi lê đông lạnh đạt 45.142 tấn, bằng 99,81%; gạo đã xát toàn bộ đạt 557.278 tấn, bằng 98,39%; thuốc lá có đầu lọc đạt 31,5 triệu bao, bằng 77,4%; áo sơ mi cho người lớn đạt 8,93 triệu cái, bằng trên 96%; ba lô đạt trên 39 triệu cái, bằng 92,9%; bê tông trộn sẵn đạt 50.634 m³, bằng 92,1%; máy sấy nông sản đạt 21 cái, bằng 60%;...

3. Đầu tư

Thực hiện vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý ước tháng 4/2020 đạt 343,3 tỷ đồng, so tháng trước bằng 82,4%; trong đó chủ yếu là vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh thực hiện ước đạt 312,5 tỷ đồng, bằng 83%; cấp huyện đạt gần 30,8 tỷ đồng, bằng 76,5%. Tính chung 4 tháng, đạt 1.595,4 tỷ đồng, bằng 162,4% so cùng kỳ năm trước.

4. Thương mại, giá cả, vận tải và du lịch

4.1. Bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tình hình kinh doanh hàng hóa trong tháng có nhiều thay đổi do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 tác động lớn đến nhu cầu mua sắm tiêu dùng của người dân, nhìn chung sức mua của các nhóm ngành hàng, dịch vụ giảm, mặt bằng giá cả ổn định bên

cạnh các chợ truyền thống thì nguồn cung từ các cửa hàng tiện lợi, siêu thị phân phối tất cả nhu yếu phẩm đến người dân dồi dào đảm bảo phục vụ tiêu dùng.

Trong tháng 4/2020 doanh thu (DT) bán lẻ hàng hóa đạt 7.248 tỷ đồng, bằng 92,26% so tháng trước và bằng 95,8% so cùng kỳ năm trước. DT dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành đạt 958 tỷ đồng, bằng 66,7% so tháng trước và bằng 48,54% so cùng kỳ năm trước. DT ngành dịch vụ khác đạt 370 tỷ đồng, bằng 53,8% so tháng trước và bằng 52,45% so cùng kỳ năm trước.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2020:

+ DT bán lẻ hàng hoá đạt 32.092 tỷ đồng, tăng 5,10%; một số nhóm ngành hàng tăng khá như: Lương thực, thực phẩm tăng 10,3%; hàng may mặc tăng 7,8%; đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình tăng 6,1%; gỗ và VLXD tăng 6,1%; phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng) tăng 6,3%; xăng, dầu các loại tăng 13,7%; hàng hóa khác tăng 8,2%;...Các nhóm ngành hàng còn lại tăng nhẹ từ 0,8% đến 0,9%;...Riêng ô tô giảm 10,3%; nhiên liệu khác (trừ xăng dầu) giảm trên 14%; đá quý, kim loại quý và sản phẩm giảm 10,8%..

+ DT dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành đạt 5.451 tỷ đồng, bằng 82,01%.

+ Doanh thu DV khác đạt 2.454 tỷ đồng, bằng 95,50%, trong đó các nhóm ngành dịch vụ đều giảm, riêng dịch vụ y tế và trợ giúp xã hội tăng 6,8%.

4.2. Xuất, nhập khẩu hàng hoá

4.2.1. Xuất khẩu hàng hoá

Tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng đến tình hình xuất khẩu vào các thị trường Trung Quốc, Châu Âu và thị trường Mỹ.

Ước kim ngạch xuất khẩu tháng 4/2020 đạt 52,48 triệu USD, bằng 73,1% so tháng trước (trong đó: Khu vực kinh tế tư nhân đạt 42,31 triệu USD, bằng 77,90%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 8,38 triệu USD, bằng 53,57%;...).

Tính chung 4 tháng đầu năm 2020 kim ngạch xuất khẩu đạt 269,8 triệu USD, giảm 5,14% so cùng kỳ năm trước. Điềm qua các mặt hàng chủ yếu của tỉnh xuất khẩu 4 tháng năm 2020 so cùng kỳ năm trước:

+ Thủy sản, xuất khẩu đạt 39.123 tấn, tương đương 94,32 triệu USD, tăng 0,19% về lượng và tăng 0,64% về kim ngạch; xuất khẩu thủy sản bị ảnh hưởng mạnh tại tất cả các thị trường do tình hình dịch bệnh Covid-19.

+ Gạo xuất đạt 131.350 tấn, tương đương 66,76 triệu USD, giảm 20,95% về lượng và giảm 21,19% về kim ngạch.

+ Rau quả đông lạnh xuất đạt 2.841 tấn, tương đương 4,81 triệu USD, giảm 0,18% về lượng và tăng 1,01% về kim ngạch.

+ Hàng dệt, may (quần áo các loại) xuất đạt 31,19 triệu USD, tăng 2,32% về kim ngạch. Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù xuất đạt 10,26 triệu USD, tăng 3,79%. Giày dép các loại xuất đạt 7,08 triệu USD, tăng 6,21%. Phân bón các loại đạt 5,79 triệu USD, tăng 6,29%. Hàng hóa khác đạt 44,31 triệu USD, tăng 1,56% về kim ngạch.

4.2.2. Nhập khẩu hàng hoá

Ước nhập khẩu hàng hoá tháng 4/2020 đạt 12,37 triệu USD, bằng 96,17% so tháng trước. Mặt hàng chủ yếu nhập khẩu so tháng trước là: Vải các loại 6,09 triệu USD, bằng

99,62%; thuốc trừ sâu và nguyên liệu 2,65 triệu USD, bằng 93,65%; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 1,02 triệu USD, bằng 81,6%;...

Tính chung 4 tháng đầu năm 2020 kim ngạch nhập khẩu đạt 50,62 triệu USD, tăng 2,52% so cùng kỳ năm trước. Điềm qua một số mặt hàng chủ yếu có giá trị nhập khẩu trong 4 tháng năm 2020 tăng cao so cùng kỳ: TĂGS và nguyên liệu đạt 2,83 triệu USD, tăng 6,63%; phân bón các loại đạt 1,02 triệu USD, tăng 9,57%; thuốc trừ sâu và nguyên liệu đạt 10,43 triệu USD, tăng 4,82%; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 4,5 triệu USD, tăng 9,36%; sắt thép các loại đạt 1,32 triệu USD, tăng 11,85%; riêng vải các loại đạt 24,53 triệu USD, giảm 1,58%;...

4.3. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4/2020 tiếp tục giảm 1,43% so tháng trước, trong đó có 4 nhóm tăng, 4 nhóm giảm và 3 nhóm ổn định; tăng cao nhất là đồ uống và thuốc lá tăng 1,12%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,22% (trong đó lương thực tăng 2,99%, tăng chủ yếu là mặt hàng gạo tăng 3,47%; thực phẩm giảm 0,25%; ăn uống ngoài gia đình giảm 0,07%); thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,15%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,10%;...Các nhóm hàng hóa và dịch vụ còn lại giảm và ổn định như: Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD giảm 2,41%; giao thông giảm 14,64%, giảm chủ yếu ở mặt hàng nhiên liệu giảm 25,65%; văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,08%; hàng hóa và dịch vụ khác giảm 0,8%;...riêng may mặc, mũ nón và giày dép; bưu chính viễn thông và giáo dục ổn định.

CPI tháng 4/2020 giảm 0,88% so tháng 12 năm trước; so cùng kỳ tăng 3,63%.

Chỉ số giá vàng (kiểu nhẫn tròn 1-2 chỉ; vàng 99,99%) tháng 4/2020 giảm 2,24% so tháng trước; so tháng 12/2019 tăng 8,78% và so cùng kỳ tăng 20,96% (do ảnh hưởng giá thế giới). Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 4/2020 tăng 1,16% so tháng trước; so tháng 12/2019 tăng 2,22% và so cùng kỳ năm trước tăng 1,47% (do ảnh hưởng giá thế giới).

4.4. Vận tải hành khách và hàng hoá

Ước doanh thu tháng 4/2020 đạt 398 tỷ đồng, giảm 2,57% so cùng kỳ năm trước.

Tính chung 4 tháng năm 2020, doanh thu đạt 1.685 tỷ đồng, tăng 4,86% so cùng kỳ năm trước; trong đó so cùng kỳ năm trước: Doanh thu vận chuyên hành khách đạt 614 tỷ đồng, tăng 0,87%; doanh thu vận chuyên hàng hóa đạt 992 tỷ đồng, tăng 7,5%; doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 79 tỷ đồng, tăng 4,84%.

- Vận tải hành khách 4 tháng đầu năm 2020, ước đạt 55,3 triệu lượt khách, tăng 2,5% và luân chuyển 716 triệu lượt khách.km, tăng 0,42% so cùng kỳ năm trước.

- Vận tải hàng hoá 4 tháng đầu năm 2020, ước đạt 13,9 triệu tấn, tăng 7,7% và luân chuyển đạt 1.090,4 triệu tấn.km, tăng 7,88% so cùng kỳ.

5. Một số tình hình xã hội

5.1. Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm

- Tình hình dịch bệnh từ đầu năm đến ngày 17/4/2020: Sốt xuất huyết có 807 ca mắc, không tử vong; so cùng kỳ năm trước bằng 91,60% (giảm 74 ca mắc). Tay chân miệng có 226 ca mắc, không tử vong; so cùng kỳ bằng 64,75% (giảm 123 ca mắc). Thương hàn và phó thương hàn có 7 ca mắc, không tử vong. Ngộ độc thực phẩm chưa xảy ra trên địa bàn tỉnh.

- Chưa phát hiện ca nghi ngờ nhiễm Covid-19 nhập cảnh vào An Giang qua các cửa khẩu trong tỉnh. Tiếp tục theo dõi chặt chẽ tình hình diễn biến của dịch COVID-19 trên địa bàn toàn tỉnh

5.2. Trật tự an toàn xã hội - phòng chống cháy nổ

Tính chung 4 tháng đầu năm 2020, so cùng kỳ năm trước:

- Toàn tỉnh đã xảy ra 25 vụ tai nạn giao thông, tăng 25% (trong đó đường bộ chiếm 23 vụ, tăng 15%); làm chết 30 người, tăng 50% và làm bị thương 1 người, giảm 75%.

- Cháy, nổ xảy ra 9 vụ, tăng 12,5%; làm chết 1 người, cùng kỳ không có người chết; ước giá trị thiệt hại 4,29 tỷ đồng, tăng trên 40%./.

Nơi nhận:

- VP. Tỉnh ủy;
 - VP. HĐND tỉnh;
 - VP. UBND tỉnh;
 - Đảng uỷ khối CQ&DN tỉnh.
 - P.ANKT, Công an tỉnh;
 - Sở KH&ĐT, Sở VH-TT&DL tỉnh.
 - Lưu: VT; P. TK Tổng hợp.
- } để báo cáo

CỤC TRƯỞNG

Thieu Vinh An